

Số: **014736** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11552.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MATCHA - TWIN COWS
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 18/06/2021
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (b) (d)	< 10 CFU /g	18/06/2021
2	Salmonella spp.	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) (b) (d)	Không phát hiện /25g	18/06/2021

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **2.9-06-2021**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ths. Phan Bích Hà



Số: **014737** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11553.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MATCHA - TWIN COWS
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 18/06/2021
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/06/2021
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/06/2021
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/06/2021
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	22/06/2021
5	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	21/06/2021
6	Melamine	HD.PP.65/TT.SK (LC/MS/MS) (TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010)) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	22/06/2021

Mã số mẫu: 11553.21

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-06-2021**

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ths. Phan Bích Hà

Số: **014739** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11555.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MATCHA - TWIN COWS
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 18/06/2021
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	25/06/2021
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	22/06/2021
3	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	19/06/2021
4	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	22/06/2021
5	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	24/06/2021
6	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	25/06/2021
7	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	22/06/2021
8	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	25/06/2021
9	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	22/06/2021

Mã số mẫu: 11555.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
10	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	22/06/2021
11	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 25 µg/kg	22/06/2021
12	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	22/06/2021
13	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	22/06/2021
14	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	25/06/2021
15	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	22/06/2021
16	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	22/06/2021
17	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	25/06/2021
18	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	22/06/2021
19	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	24/06/2021
20	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	24/06/2021
21	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	24/06/2021
22	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/06/2021
23	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/06/2021
24	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	25/06/2021
25	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	25/06/2021
26	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	25/06/2021
27	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/06/2021
28	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	22/06/2021
29	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/06/2021
30	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	22/06/2021
31	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/06/2021

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 11555.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
32	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	22/06/2021
33	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	22/06/2021
34	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	25/06/2021
35	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/06/2021
36	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	24/06/2021
37	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	24/06/2021

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-06-2021**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ths. Phan Bích Hà



Số: **014738** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11554.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MATCHA - TWIN COWS
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 18/06/2021
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Bioresmethrin	Ref.AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/06/2021
2	Diclorvos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
3	Malathion	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/06/2021
4	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	24/06/2021
5	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/06/2021
6	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
7	Acetamiprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
8	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/06/2021
9	Chlorantraniliprole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
10	Clothianidin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/06/2021
11	Cycloxydime	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
12	Emamectin benzoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	22/06/2021

Mã số mẫu: 11554.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Fenamidone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
14	Fluxapyroxad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
15	Haloxypop	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/06/2021
16	Imazamox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
17	Penthiopyrad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
18	Spinetoram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
19	Thiamethoxam	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
20	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
21	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
22	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/06/2021
23	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/06/2021
24	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0002 mg/kg	25/06/2021
25	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	25/06/2021
26	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	20/06/2021
27	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
28	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/06/2021
29	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
30	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
31	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
32	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/06/2021
33	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	24/06/2021
34	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	24/06/2021
35	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/06/2021
36	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/06/2021
37	Methomyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/06/2021
38	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	24/06/2021

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 11554.21

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**2.9-06-2021**.....

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ths. Phan Bích Hà



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2021-00058263
Mã số kết quả: AR-21-VD-061358-01-VI / EUVNHC-00140230



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

TP. Hồ Chí Minh

Việt Nam

Tên mẫu: Kem matcha-Twin cows/ Matcha ice cream –Twin cows
Ký hiệu mẫu: V-K-04/ Sample code: V-K-04
Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu: 28/06/2021
Thời gian thử nghiệm: 28/06/2021 - 02/07/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 05/07/2021
Mã số PO của khách hàng: Q4EX210628331

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDMPI VD Sulfuryl fluoride	mg/kg	AOAC 975.08 Mod	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vi 05/07/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.